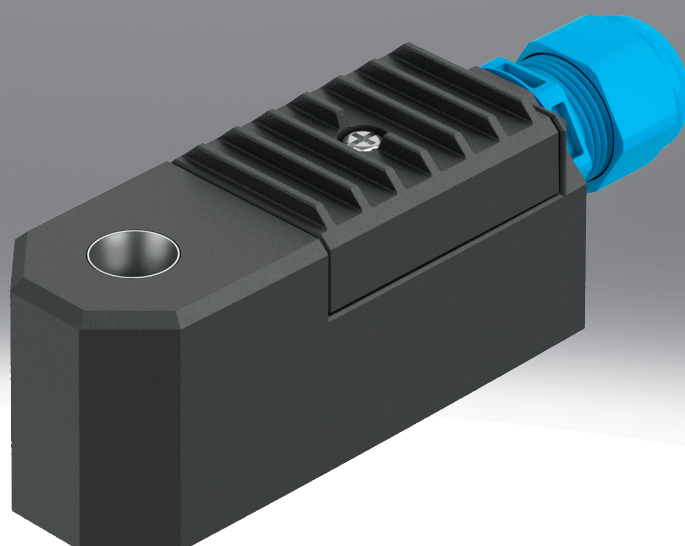


Cuộn điện từ VACC

FESTO



Mã mẫu

001	Dòng	
VACC	Cuộn điện từ VACC	

002	Loại cuộn dây điện từ	
P2	Van khí với giao thức CNOMO, kích thước 30 mm theo tiêu chuẩn ISO 152182	
S13	Cuộn dây điện từ S cho ống neo 13 mm	
S18	Cuộn từ tính S cho ống neo 18 mm	

003	Mức tiêu thụ năng lượng	
0.12	12mW	
0.4	40mW	
11	1,1W	
18	1,8W	
25	2,5W	
35	3,5W	
70	7W	
120	12W	

004	Cổng nối điện	
A1	Sơ đồ kết nối dạng A theo EN 175301-803	
K4	Đầu nối cáp hệ mét	
K5	Mối nối vít cáp NPT	

005	Điện áp hoạt động định mức	
1	24 V DC	
1A	24 V AC, 50/60 Hz	
1U	24 V DC và 24 V AC	
2A	110 V AC/50-60 Hz	
2U	110 V DC và 110 V AC	
3	230 V DC	
3A	230 V AC, 50/60 Hz	
3U	230 V DC và 230 V AC	
5	12 V DC	
7	48 V DC	
7U	48 V DC và 48 V AC	
16	120 V DC	
16U	120 V DC và 120 V AC	
27	60 V DC	
27U	60 V DC và 60 V AC	

006	Mạch	
	Không có	
F	Cầu chì	

007	Chứng nhận Ex - EU	
	Không	
EX4	II 2GD	

008	Giấy phép	
	Không có	
U2	cULus, môi trường độc hại, Hoa Kỳ và Canada (NEC 500, Class 1 Div 2)	
NE4	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	
KS4	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	
NM4	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)	

009	Kiểu bảo vệ	
	Không có	
A	Về bản chất là an toàn	
D	Đóng gói chịu áp	
ME	Đóng gói, tăng cường an toàn	

Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật chung – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,1 W

Cổng nối điện	Hộp đấu cuối, đầu vào cấp M20x1,5
Kiểu vận hành	điện
Vị trí lắp đặt	bất kì
Hiện thị vị trí chuyển mạch	không
trọng lượng sản phẩm	330 g

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,1 W

Giấy phép	Không có	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Giá trị đặc trưng cuộn dây	14 - 32 V DC: 0,22 - 1,1 W			
Điện áp đầu vào tối đa Ui	32 V			
Dòng điện đầu vào tối đa Ii	0,2 A			
Công suất đầu vào tối đa Pi	1,2 W			
công suất bên trong hiệu quả Ci	nhỏ không đáng kể	0μF	nhỏ không đáng kể	
mức tiêu thụ điện năng yêu cầu	16 mA			
Mức tiêu thụ năng lượng	1,1W			
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%			
Thời gian bật	100%			
Lớp cách nhiệt	H			
Mức độ bảo vệ	IP65			

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,1 W

Giấy phép	Không có	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Danh mục ATEX Khí	II 2G	–	II 2G	–
Loại chống cháy nổ Khí	Ex ia IIC/IIB T5/T6 Gb	–	Ex ia IIC T5, T6	Ex ia IIC/IIB T5/T6 Gb
Danh mục ATEX Bụi	II 2D	–	II 2D	–
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex ia IIIC T95°C/T80°C IP65 Db	Ex ia IIIC T95°C/T80°C Db	Ex iaD 21 T80/T95°C	Ex ia IIIC T95°C/T80°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T5/T95°C: -30°C ≤ Ta ≤ +65°C, T6/T80°C: -30°C ≤ Ta ≤ +50°C	T5, T95°C: -30°C ≤ Ta ≤ +65°C, T6, T80°C: -30°C ≤ Ta ≤ +50°C		
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)	EPL Db (CN); EPL Gb (CN)	EPL Db (KR); EPL Gb (KR)	EPL Db (BR); EPL GB (BR)
Cơ quan cấp chứng chỉ	BVS 15 ATEX E 030 X IECEX BVS 15.0020 X TUV 21 UKEX 7016 X	GY20.1094X	21-AV4BO-0280X 22-AV4BO-0052X	DNV 17.0043X

Vật liệu - Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,1 W

Giấy phép	Không có	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Vật liệu cuộn dây điện từ	–	–	PA, UP	–
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS			
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III			

Bảng dữ liệu

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,1 W				
Giấy phép	Không có	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	–		4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh	–
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo chỉ thị EMC của EU, theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX), theo chỉ thị RoHS của EU	–	theo chỉ thị EMC của EU, theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)	–
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV, theo quy định UK EX, theo các quy định UK RoHS	–		
Cơ quan cấp chứng chỉ	BVS 15 ATEX E 030 X; IECEX BVS 15.0020 X; TÜV 21 UKEX 7016 X	GYJ20.1094X	21-AV4BO-0280X; 22-AV4BO-0052X	DNV 17.0043X

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Thông số kỹ thuật chung – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W		
Cổng nối điện	Hộp đấu cuối, đầu vào cấp M20x1,5	Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803
Kiểu vận hành	điện	
Vị trí lắp đặt	bất kì	
Hiện thị vị trí chuyển mạch	không	
trọng lượng sản phẩm	330 g	210 g

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W		
Giấy phép	Không có	
Cổng nối điện	Hộp đấu cuối, đầu vào cấp M20x1,5	Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V DC: 1,8 W 110 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA 230 V DC: 1,8 W 230 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA 24 V DC: 1,8 W 24 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA 60 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA 60 V DC: 1,8 W	110 V DC: 1,8 W 110 V AC: 50/60 Hz, công suất 1,8 VA 230 V DC: 1,8 W 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 1,8 VA 24 V DC: 2,1 W 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,1 VA
Mức tiêu thụ năng lượng	1,8W	
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%	
Thời gian bật	100%	
Lớp cách nhiệt	H	
Mức độ bảo vệ	IP65	

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W			
Giấy phép	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Cổng nối điện	Hộp đấu cuối, đầu vào cấp M20x1,5		
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V DC: 1,8 W 110 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA 230 V DC: 1,8 W 230 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA 24 V DC: 1,8 W 24 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA 60 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA 60 V DC: 1,8 W		
Mức tiêu thụ năng lượng	1,8W		
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%		
Thời gian bật	100%		
Lớp cách nhiệt	H		
Mức độ bảo vệ	IP65		

Bảng dữ liệu

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W

Giấy phép	Không có			
Cổng nối điện	Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803			
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V DC: 1,8 W, 110 V AC: 50/60 Hz, công suất 1,8 VA	230 V DC: 1,8 W, 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 1,8 VA	24 V DC: 2,1 W	24 V DC: 2,1 W, 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,1 VA
Danh mục ATEX Khí	–			
Loại chống cháy nổ Khí	–			
Danh mục ATEX Bụi	–			
Loại chống cháy nổ Bụi	–			
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	–			
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	–			
Cơ quan cấp chứng chỉ	–			

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W

Giấy phép	Không có			
Cổng nối điện	Hộp đầu cuối, đầu vào cáp M20x1,5			
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V DC: 1,8 W, 110 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	230 V DC: 1,8 W, 230 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	24 V DC: 1,8 W, 24 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	60 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA, 60 V DC: 1,8 W
Danh mục ATEX Khí	II 2G			
Loại chống cháy nổ Khí	Ex eb mb IIC T* Gb			
Danh mục ATEX Bụi	II 2D			
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tb IIIC T*°C Db			
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T4/T130°C: -30°C ≤ Ta ≤ +60°C, T5/T95°C: -30°C ≤ Ta ≤ +60°C, T6/T85°C: -30°C ≤ Ta ≤ +50°C			
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)			
Cơ quan cấp chứng chỉ	IECEx BVS 15.0075 X TUV 21 UKEX 7015 X		BVS 15ATEXE029X IECEx BVS 15.0075 X TUV 21 UKEX 7015 X	

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W

Danh mục ATEX Khí	–		
Loại chống cháy nổ Khí	Ex eb mb IIC T6... T4 Gb	Ex e mb IIC T4, T5, T6	Ex eb mb IIC T6, T5, T4 Gb
Danh mục ATEX Bụi	–		
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tb IIIC T85°C... T130°C Db	Ex tD A21 IP65 T85/T95/T130°C	Ex tb IIIC T85°C, T95°C, T130°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T4, T130°C: -30°C ≤ Ta ≤ +60°C, T5, T95°C: -30°C ≤ Ta ≤ +60°C, T6, T85°C: -30°C ≤ Ta ≤ +50°C		
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (CN); EPL Gb (CN)	EPL Db (KR); EPL Gb (KR)	EPL Db (BR); EPL GB (BR)
Cơ quan cấp chứng chỉ	GYJ23.1170X	21-AV4BO-0279X 22-AV4 BO-0051 X	INMETRO DNV 17.0042X

Vật liệu - Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W

Vật liệu cuộn dây từ 5 cho ứng dụng 15 mm, tổng suất tiêu thụ 1,5 W				
Giấy phép	Không có	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Vật liệu cuộn dây điện từ	PA; UP	-		
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS			
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III			

Bảng dữ liệu

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W								
Giấy phép	Không có							
Cổng nối điện	Hộp đầu cuối, đầu vào cấp M20x1,5				Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803			
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V DC: 1,8 W, 110 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	230 V DC: 1,8 W, 230 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	24 V DC: 1,8 W, 24 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	60 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA, 60 V DC: 1,8 W	110 V DC: 1,8 W, 110 V AC: 50/60 Hz, công suất 1,8 VA	230 V DC: 1,8 W, 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 1,8 VA	24 V DC: 2,1 W	24 V DC: 2,1 W, 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,1 VA
Nhiệt độ môi trường xung quanh	–				-20 ... 60°C			
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	–				4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh			
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU				theo chỉ thị điện áp thấp của EU		–	
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS				theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện		–	

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hồ trợ/Tải về

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W			
Giấy phép	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Nhiệt độ môi trường xung quanh	–		
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	–		
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	–		
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	–		

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hồ trợ/Tải về

Thông số kỹ thuật chung – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W	
Cổng nối điện	Hộp đầu cuối, đầu vào cấp M20x1,5 Hộp đầu cuối, đầu vào cấp NPT1/2
Kiểu vận hành	điện
Vị trí lắp đặt	bất kì
Hiện thị vị trí chuyển mạch	không
trọng lượng sản phẩm	1.700 g

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W	
Giá trị đặc trưng cuộn dây	230 V AC: 50/60 Hz, công suất 1,8 VA
Mức tiêu thụ năng lượng	1,8W
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%
Thời gian bật	100%
Lớp cách nhiệt	H
Mức độ bảo vệ	IP65

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W	
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Loại chống cháy nổ Khí	Ex db IIC T6, T5, T4 Gb
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tb IIIC T80°C, 95°C, 130°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T4, T130°C: -50°C ≤ Ta ≤ +90°C, T5, T95°C: -50°C ≤ Ta ≤ +55°C, T6, T80°C: -50°C ≤ Ta ≤ +40°C
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)
Cơ quan cấp chứng chỉ	BVS15ATEXE135 IECEXBVS.15.0116

Bảng dữ liệu

Vật liệu - Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W

Vật liệu cuộn dây điện từ	Hợp kim nhôm rèn; Gang xám
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W

Nhiệt độ môi trường xung quanh	–
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về**Thông số kỹ thuật chung – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 2,5 W**

Cổng nối điện	Hộp đầu cuối, đầu vào cấp M20x1,5 Hộp đầu cuối, đầu vào cấp NPT1/2
Kiểu vận hành	điện
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Hiển thị vị trí chuyển mạch	không
trọng lượng sản phẩm	1.700 g

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 2,5 W

Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,5 VA 110 V DC: 2,5 W 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,5 VA 230 V DC: 2,5 W 24 V DC: 2,5 W 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,5 VA
Mức tiêu thụ năng lượng	2,5W
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%
Thời gian bật	100%
Lớp cách nhiệt	H
Mức độ bảo vệ	IP65

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 2,5 W

Danh mục ATEX Khí	II 2G
Loại chống cháy nổ Khí	Ex db IIC T6, T5, T4 Gb
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tb IIIC T80°C, 95°C, 130°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T4, T130°C: -50°C ≤ Ta ≤ +90°C, T5, T95°C: -50°C ≤ Ta ≤ +55°C, T6, T80°C: -50°C ≤ Ta ≤ +40°C
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)
Cơ quan cấp chứng chỉ	BVS15ATEXE135 IECEXBVS.15.0116

Vật liệu - Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 2,5 W

Vật liệu cuộn dây điện từ	Hợp kim nhôm rèn; Gang xám
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

Bảng dữ liệu

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 2,5 W	
Nhiệt độ môi trường xung quanh	–
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hồ trợ/Tải về

Thông số kỹ thuật chung – Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W							
Cổng nối điện	Hộp đầu cuối, đầu vào cấp M20x1,5			Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803			
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 110 V DC: 3,5 W	230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 230 V DC: 3,5 W	24 V DC: 3,5 W, 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA	230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA	24 V DC: 3,5 W	24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA
Kiểu vận hành	điện						
Vị trí lắp đặt	bất kì						
Hiện thị vị trí chuyển mạch	không						
trọng lượng sản phẩm	580 g		530 g	580 g		530 g	

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W	
Giấy phép	Không có
Cổng nối điện	Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA 24 V DC: 3,5 W 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA
Mức tiêu thụ năng lượng	3,5W
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%
Thời gian bật	100%
Lớp cách nhiệt	H
Mức độ bảo vệ	IP65

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W	
Giấy phép	Không có
Cổng nối điện	Hộp đầu cuối, đầu vào cấp M20x1,5
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA 110 V DC: 3,5 W 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA 230 V DC: 3,5 W 24 V DC: 3,5 W 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA
Mức tiêu thụ năng lượng	3,5W
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%
Thời gian bật	100%
Lớp cách nhiệt	H
Mức độ bảo vệ	IP66

Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W			
Giấy phép	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Cổng nối điện	Hộp đầu cuối, đầu vào cấp M20x1,5		
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA 110 V DC: 3,5 W 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA 230 V DC: 3,5 W 24 V DC: 3,5 W 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA		
Mức tiêu thụ năng lượng	3,5W		
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%		
Thời gian bật	100%		
Lớp cách nhiệt	H		
Mức độ bảo vệ	IP66		

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W	
Giấy phép	Không có
Cổng nối điện	Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803
Danh mục ATEX Khí	–
Loại chống cháy nổ Khí	–
Danh mục ATEX Bụi	–
Loại chống cháy nổ Bụi	–
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	–
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	–
Cơ quan cấp chứng chỉ	–

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W			
Giấy phép	Không có		
Cổng nối điện	Hộp đầu cuối, đầu vào cấp M20x1,5		
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 110 V DC: 3,5 W	230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 230 V DC: 3,5 W	24 V DC: 3,5 W, 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA
Danh mục ATEX Khí	II 2G		
Loại chống cháy nổ Khí	Ex eb mb IIC T* Gb		
Danh mục ATEX Bụi	II 2D		
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tb IIIC T*°C Db		
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T5/T95°C: -25°C ≤ Ta ≤ +60°C, T6/T80°C: -25°C ≤ Ta ≤ +50°C		
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)		
Cơ quan cấp chứng chỉ	TÜV 21 UKEX 7017 X	BVS 16ATEXE036X IECEx BVS16.0028X TÜV 21 UKEX 7017 X	TÜV 21 UKEX 7017 X

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W			
Giấy phép	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Danh mục ATEX Khí	–		
Loại chống cháy nổ Khí	Ex eb mb IIC T5/T6 Gb	Ex e mb IIC T5, T6	Ex eb mb IIC T6, T5 Gb
Danh mục ATEX Bụi	–		
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tb IIIC T95°C/T80°C Db	Ex tD A21 IP66 T85°C/T95°C	Ex tb IIIC T80°C, T95°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T5, T95°C: -25°C ≤ Ta ≤ +60°C, T6, T80°C: -25°C ≤ Ta ≤ +50°C		
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (CN); EPL Gb (CN)	EPL Db (KR); EPL Gb (KR)	EPL Db (BR); EPL GB (BR)
Cơ quan cấp chứng chỉ	GYJ23.1169X	22-AV4BO-0256X 22-AV4BO-0257X	INMETRO DNV 19.0135X

Bảng dữ liệu

Vật liệu - Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W				
Giấy phép	Không có	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Vật liệu cuộn dây điện từ	PA; Thép	—		
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS			
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III			

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W				
Giấy phép	Không có			
Cổng nối điện	Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803			
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA	230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA	24 V DC: 3,5 W	24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 ... 60°C			
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh			
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo chỉ thị điện áp thấp của EU		–	
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện		–	

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W			
Giấy phép	Không có		
Cổng nối điện	Hộp đầu cuối, đầu vào cấp M20x1,5		
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 110 V DC: 3,5 W	230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 230 V DC: 3,5 W	24 V DC: 3,5 W, 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA
Nhiệt độ môi trường xung quanh	–		
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	–		
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo chỉ thị RoHS của EU	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU	theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS		

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W			
Giấy phép	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Nhiệt độ môi trường xung quanh	–		
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	–		
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	–		
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	–		

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Thông số kỹ thuật chung – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 7 W	
Kiểu vận hành	điện
Vị trí lắp đặt	bất kì
Hiển thị vị trí chuyển mạch	không
trọng lượng sản phẩm	1.700 g

Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 7 W	
Giấy phép	Không có
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA 110 V DC: 7,0 W 120 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA 120 V DC: 7,0 W 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA 230 V DC: 7,0 W 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA 24 V DC: 7,0 W 48 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA 48 V DC: 7,0 W
Mức tiêu thụ năng lượng	7W
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%
Thời gian bật	100%
Lớp cách nhiệt	H
Mức độ bảo vệ	IP65

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 7 W	
Giấy phép	cULus, môi trường độc hại, Hoa Kỳ và Canada (NEC 500, Class 1 Div 2)
Giá trị đặc trưng cuộn dây	125 V DC: 7,0 W 220 V DC: 7,0 W 24 V DC: 7,0 W 48 V DC: 7,0 W
Mức tiêu thụ năng lượng	7W
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%
Thời gian bật	100%
Lớp cách nhiệt	H
Mức độ bảo vệ	IP65

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 7 W	
Giấy phép	Không có
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Loại chống cháy nổ Khí	Ex db IIC T6, T5, T4 Gb
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tb IIIC T80°C, 95°C, 130°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T4, T130°C: -50°C ≤ Ta ≤ +90°C, T5, T95°C: -50°C ≤ Ta ≤ +55°C, T6, T80°C: -50°C ≤ Ta ≤ +40°C
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)
Cơ quan cấp chứng chỉ	BVS15ATEXE135 IECEXBVS.15.0116

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 7 W	
Giấy phép	cULus, môi trường độc hại, Hoa Kỳ và Canada (NEC 500, Class 1 Div 2)
Danh mục ATEX Khí	–
Loại chống cháy nổ Khí	–
Danh mục ATEX Bụi	–
Loại chống cháy nổ Bụi	–
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T4A, 120°C: -25°C ≤ Ta ≤ +80°C
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	Class I, Div. 2 (CA); Class I, Div. 2 (US)
Cơ quan cấp chứng chỉ	–

Vật liệu - Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 7 W	
Vật liệu cuộn dây điện từ	Hợp kim nhôm rèn; Gang xám
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

Bảng dữ liệu

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 7 W	
Giấy phép	Không có
Nhiệt độ môi trường xung quanh	–
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 7 W				
Giấy phép	cULus, môi trường độc hại, Hoa Kỳ và Canada (NEC 500, Class 1 Div 2)			
Giá trị đặc trưng cuộn dây	125 V DC: 7,0 W	220 V DC: 7,0 W	24 V DC: 7,0 W	48 V DC: 7,0 W
Nhiệt độ môi trường xung quanh	–			
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh			
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo chỉ thị điện áp thấp của EU		–	
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	–			

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Thông số kỹ thuật chung – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W		
Cổng nối điện	Hộp đấu cuối, đầu vào cấp M20x1,5	Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803
Kiểu vận hành	điện	
Vị trí lắp đặt	bất kì	
Hiển thị vị trí chuyển mạch	không	
trọng lượng sản phẩm	580 g	530 g

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W			
Giấy phép	Không có		
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 12,0 W	48 V DC: 12,0 W	60 V DC: 12,0 W
Mức tiêu thụ năng lượng	12W		
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%		
Thời gian bật	100%		
Lớp cách nhiệt	H		
Mức độ bảo vệ	IP65	IP66	

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W	
Giấy phép	Không có
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA
Mức tiêu thụ năng lượng	12W
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%
Thời gian bật	100%
Lớp cách nhiệt	H
Mức độ bảo vệ	IP65

Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W	
Giấy phép	Không có
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA 110 V DC: 12,0 W 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA 230 V DC: 12,0 W 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA 24 V DC: 12,0 W
Mức tiêu thụ năng lượng	12W
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%
Thời gian bật	100%
Lớp cách nhiệt	H
Mức độ bảo vệ	IP66

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W			
Giấy phép	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA 110 V DC: 12,0 W 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA 230 V DC: 12,0 W 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA 24 V DC: 12,0 W 48 V DC: 12,0 W 60 V DC: 12,0 W		
Mức tiêu thụ năng lượng	12W		
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%		
Thời gian bật	100%		
Lớp cách nhiệt	H		
Mức độ bảo vệ	IP66		

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W			
Giấy phép	Không có		
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 12,0 W	48 V DC: 12,0 W	60 V DC: 12,0 W
Danh mục ATEX Khí	II 2G		
Loại chống cháy nổ Khí	Ex eb mb IIC T* Gb		
Danh mục ATEX Bụi	II 2D		
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tb IIIC T**C Db		
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T4/T120°C: -25°C ≤ Ta ≤ +40°C		
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)		
Cơ quan cấp chứng chỉ	TÜV 21 UKEX 7017 X		

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W			
Giấy phép	Không có		
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA	230 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA	24 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA
Danh mục ATEX Khí	–		
Loại chống cháy nổ Khí	–		
Danh mục ATEX Bụi	–		
Loại chống cháy nổ Bụi	–		
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	–		
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	–		
Cơ quan cấp chứng chỉ	–		

Bảng dữ liệu

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W			
Giấy phép	Không có		
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 110 V DC: 12,0 W	230 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 230 V DC: 12,0 W	24 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 24 V DC: 12,0 W
Danh mục ATEX Khí	II 2G		
Loại chống cháy nổ Khí	Ex eb mb IIC T* Gb		
Danh mục ATEX Bụi	II 2D		
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tb IIIC T*°C Db		
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T4/T120°C: -25°C ≤ Ta ≤ +40°C		
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)		
Cơ quan cấp chứng chỉ	BVS 16ATEXE036X IECEX BVS16.0028X TUV 21 UKEX 7017 X	TUV 21 UKEX 7017 X	BVS 16ATEXE036X IECEX BVS16.0028X TUV 21 UKEX 7017 X

ATEX – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W			
Giấy phép	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Danh mục ATEX Khí	–		
Loại chống cháy nổ Khí	Ex eb mb IIC T4 Gb	Ex e mb IIC T4	Ex eb mb IIC T4 Gb
Danh mục ATEX Bụi	–		
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tb IIIC T120°C Db	Ex tD A21 IP66 T120°C	Ex tb IIIC T120°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T4, T120°C: -25°C ≤ Ta ≤ +40°C		
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (CN); EPL Gb (CN)	EPL Db (KR); EPL Gb (KR)	EPL Db (BR); EPL GB (BR)
Cơ quan cấp chứng chỉ	GYJ23.1169X	22-AV4BO-0256X 22-AV4BO-0257X	INMETRO DNV 19.0135X

Vật liệu - Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W				
Giấy phép	Không có	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Vật liệu cuộn dây điện từ	PA; Thép	–		
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS			
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III			

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W			
Giấy phép	Không có		
Cổng nối điện	Hộp đầu cuối, đầu vào cấp M20x1,5		Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803
Giá trị đặc trưng cuộn dây	48 V DC: 12,0 W	60 V DC: 12,0 W	24 V DC: 12,0 W
Nhiệt độ môi trường xung quanh	–		-20 ... 60°C
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	–		4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo chỉ thị RoHS của EU		–
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS		–

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Bảng dữ liệu

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W

Giấy phép	Không có		
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA	230 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA	24 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 ... 60°C		
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh		
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo chỉ thị điện áp thấp của EU	—	
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện	—	

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W

Giấy phép	Không có		
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 110 V DC: 12,0 W	230 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 230 V DC: 12,0 W	24 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 24 V DC: 12,0 W
Nhiệt độ môi trường xung quanh	–		
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	–		
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU	theo chỉ thị RoHS của EU	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS		

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

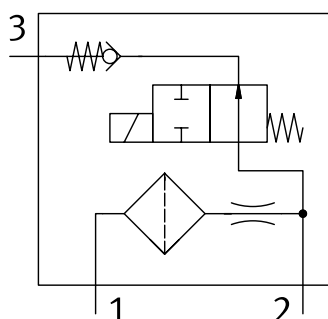
Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W

Giấy phép	CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)
Nhiệt độ môi trường xung quanh	–		
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	–		
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	–		
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	–		

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Thông số kỹ thuật chung – Van khí với giao thức CNOMO kích thước 30 mm theo tiêu chuẩn ISO 15218



Tuân theo tiêu chuẩn	ISO 15218
Kiểu vận hành	điện
Kiểu gắn	CNOMO
Kết nối vít mô-men xoắn cực đại	3 N m
Vị trí lắp đặt	bất kì
trọng lượng sản phẩm	440 g

Bảng dữ liệu

Thời gian chuyển mạch – Van khí với giao thức CNOMO kích thước 30 mm theo tiêu chuẩn ISO 15218

Thời gian chuyển mạch bật	40 ms
Thời gian chuyển mạch tắt	40 ms

Thông số kỹ thuật điện – Van khí với giao diện CNOMO kích thước 30mm theo tiêu chuẩn ISO 15218

Điện áp hoạt động danh định DC	12 V	24 V
Cổng nối điện	Đầu kẹp lò xo, Hộp đầu cuối, đầu vào cáp M20x1,5	
Mặt cắt danh định của dây dẫn	0,25 ... 2,5 mm ²	
Đường kính cáp	4 ... 13 mm	
Giá trị đặc trưng cuộn dây	6 - 16 V DC: 0,012 - 0,1 W	14 - 30 V DC: 0,04 - 0,19 W
Điện áp đầu vào tối đa Ui	16 V	30 V
Dòng điện đầu vào tối đa Ii	0,33 A	
Công suất đầu vào tối đa Pi	2,1 W	
công suất bên trong hiệu quả Ci	1nF	
Cảm ứng bên trong hiệu dụng Li	nhỏ không đáng kể	
mức tiêu thụ điện năng yêu cầu	2 mA	3 mA
Thông số đầu vào tối đa về mạch điện an toàn	xem chứng nhận IECEx	
Thời gian bật	100%	
Mức độ bảo vệ	IP65, theo tiêu chuẩn IEC 60529	
Lưu ý về mức độ bảo vệ	xem Tài liệu người dùng	

ATEX – Van khí với giao thức CNOMO kích thước 30 mm theo tiêu chuẩn ISO 15218

Danh mục ATEX Khí	II 2G
Loại chống cháy nổ Khí	Ex ia IIC/IIB T6/T4 Gb
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex ia IIIC T85°C/135°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T4: -25°C ≤ Ta ≤ +60°C T6: -25°C ≤ Ta ≤ +60°C
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (IEC-EX); EPL Gb (IEC-EX)
Cơ quan cấp chứng chỉ	BVS 25 ATEX E063 IECEx BVS 25.0061

Vật liệu – Van khí với giao thức CNOMO kích thước 30 mm theo tiêu chuẩn ISO 15218

Vật liệu vỏ	Nhôm phủ kim loại
Vật liệu cuộn dây	Đồng
Vật liệu vít	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu cửa phốt	EPDM; FVMQ; VMQ
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

Bảng dữ liệu

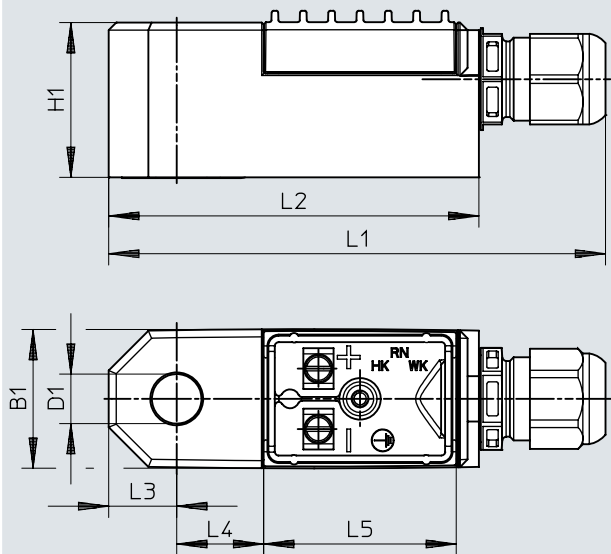
Điều kiện vận hành và môi trường – Van khí với giao diện CNOMO kích thước 30 mm theo tiêu chuẩn ISO 15218		
Điện áp hoạt động danh định DC	12 V	24 V
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:2:4]	
Áp suất vận hành	0,2 ... 0,6 MPA	0,2 ... 0,8 MPA
Áp suất vận hành	2 ... 6 bar	2 ... 8 bar
Áp suất vận hành	29 ... 87 psi	29 ... 116 psi
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-25 ... 60°C	
Nhiệt độ bảo quản	-40 ... 80°C	
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh	
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU	
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS	

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Support/Downloads.

Kích thước

Kích thước – Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,1 W

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

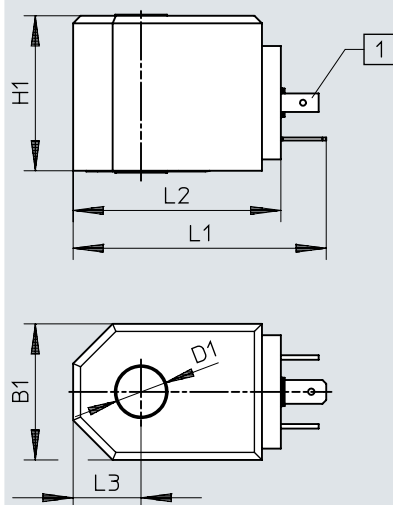


	B1	D1	H1	L1	L2	L3	L4	L5
VACC-S13-11-K4-1	37	13,1	41	131	98	18	23	51

Kích thước

Kích thước – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W, trang bị đầu nối điện dạng A

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



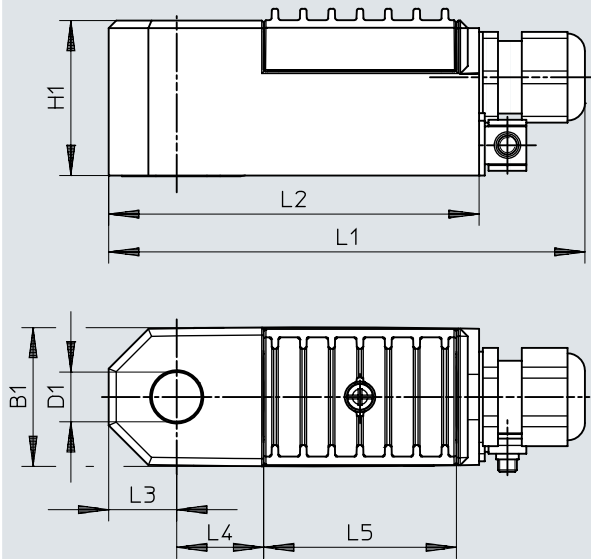
[1] Mẫu đầu cắm dạng A, theo EN 175301-803

	B1	D1	H1	L1	L2	L3
VACC-S13-18-A1-...	36	13,1	41	67	55	18

Kích thước

Kích thước – Cuộn dây từ S cho ống cốt thép 13 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W, có hộp đấu nối điện

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

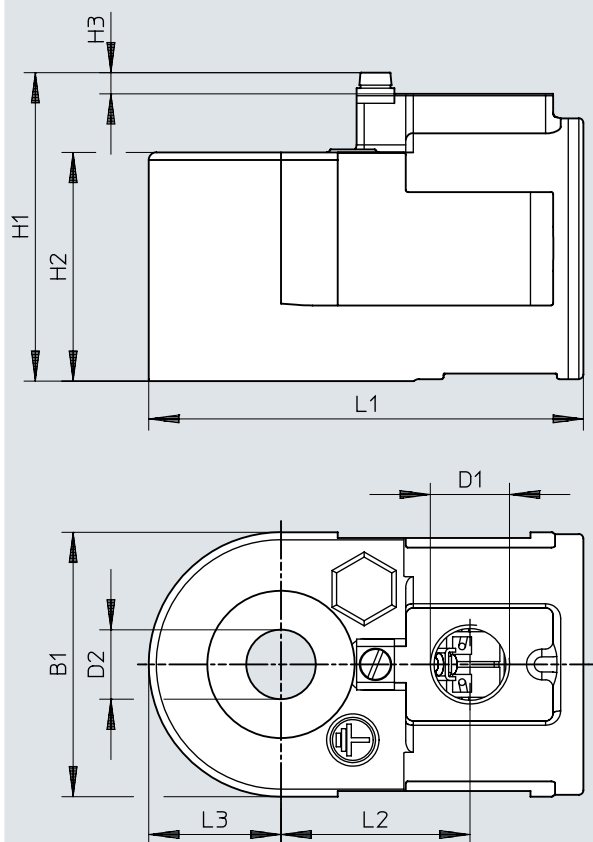


	B1	D1	H1	L1	L2	L3	L4	L5
VACC-S13-18-K4	37	13,1	41	126	98	18	23	51

Kích thước

Kích thước – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

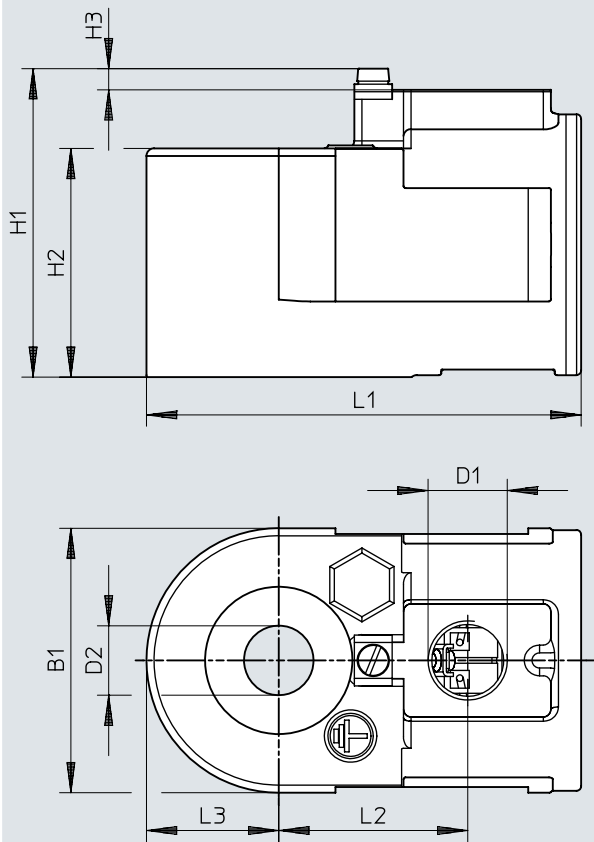


	B1	D1	D2 Ø	H1	H2	H3	L1	L2	L3
VACC-S18-18-K4-3A-EX4D	70	M20x1,5	18,2	82	60,5	6	115	50	35
VACC-S18-18-K5-3A-EX4D		1/2 NPT							

Kích thước

Kích thước – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 2,5 W

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

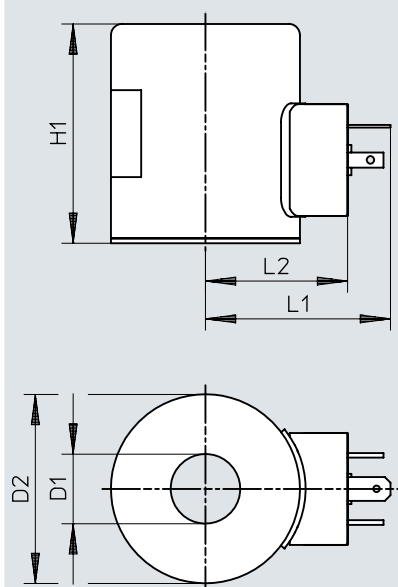


	B1	D1	D2 Ø	H1	H2	H3	L1	L2	L3
VACC-S18-25-K4-...U-EX4D	70	M20x1,5	18,2	82	60,5	6	115	50	35
VACC-S18-25-K5-...U-EX4D		1/2 NPT							

Kích thước

Kích thước – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W, trang bị đầu nối điện dạng A

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

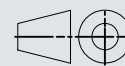
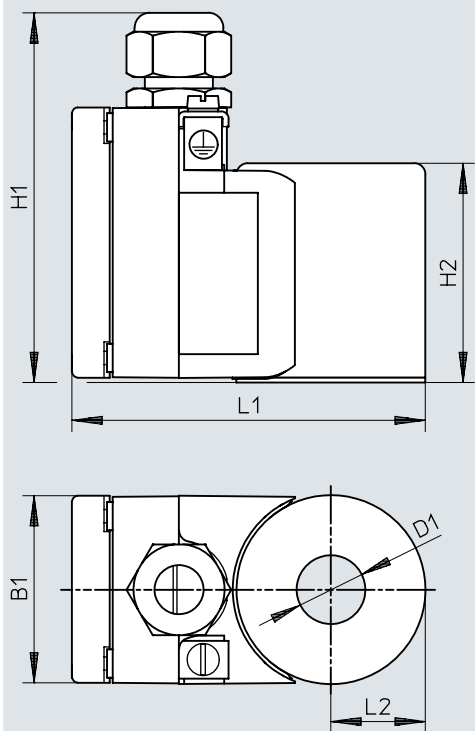


	D1 ø	D2 ø	H1	L1	L2
VACC-S18-35A1-1	18,2	50	58	50	38
VACC-S18-35A1-1A					
VACC-S18-35A1-2A					
VACC-S18-35A1-3A					

Kích thước

Kích thước – Cuộn dây từ S cho ống cốt thép 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W, có hộp đấu nối điện

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

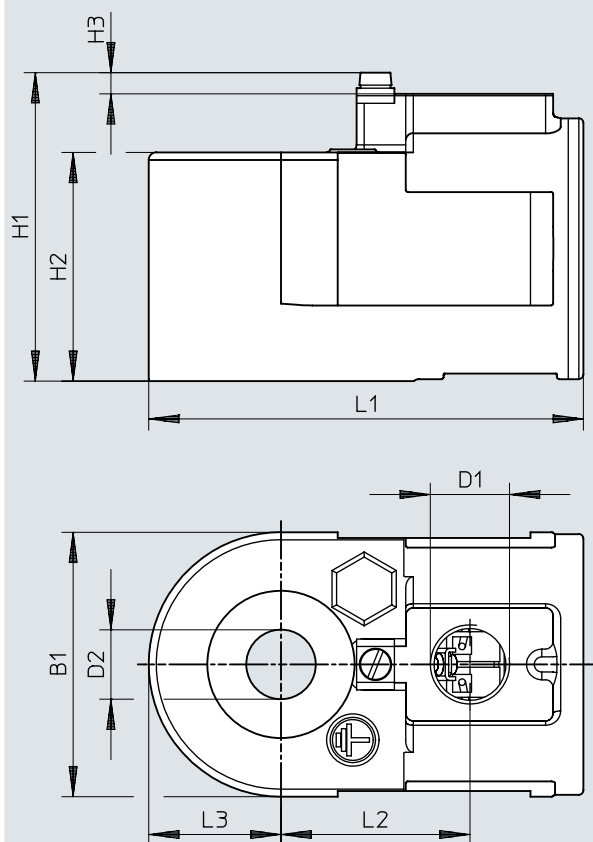


	B1	D1 Ø	H1	H2	L1	L2
VACC-S18-35-K4	50	18,2	100	58	95	25

Kích thước

Kích thước – Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 7 W

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

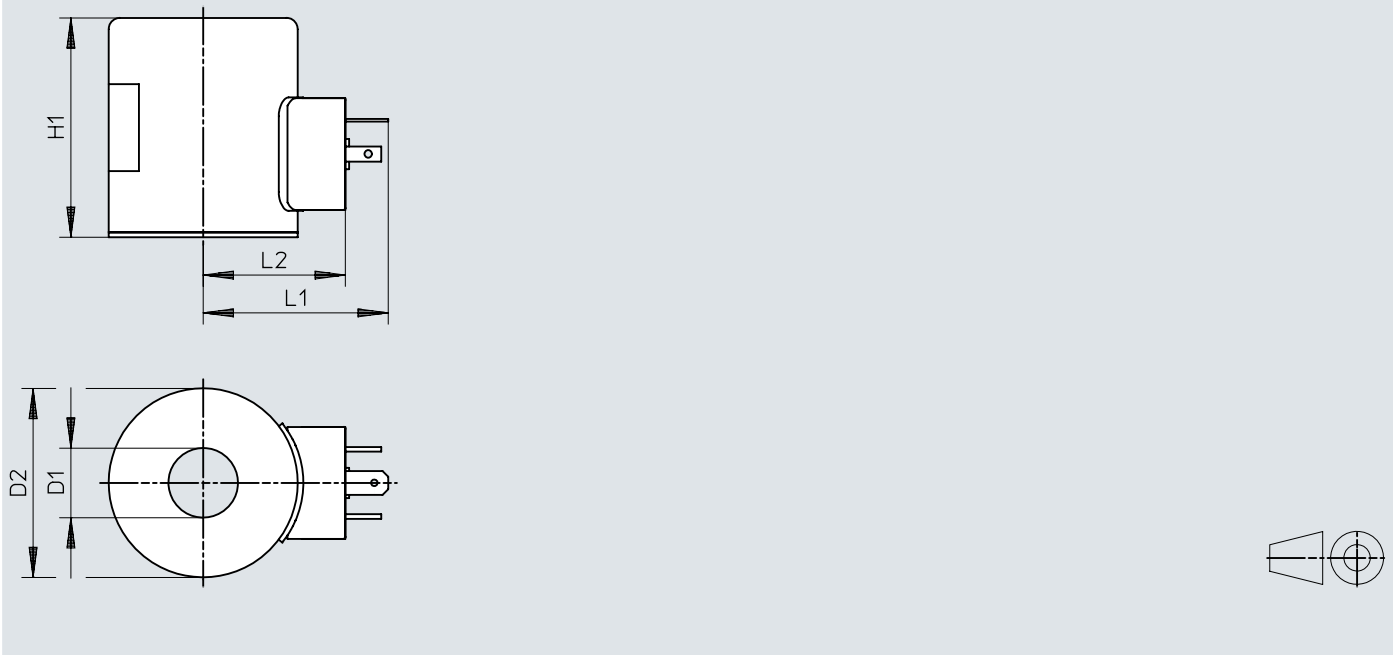


	B1	D1	D2 Ø	H1	H2	H3	L1	L2	L3
VACC-S18-70-K4-...	70	M20x1,5	18,2	82	60,5	6	115	50	35
VACC-S18-70-K5-...	70	1/2 NPT	18,2	82	60,5	6	115	50	35

Kích thước

Kích thước – Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W, trang bị đầu nối điện dạng A

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

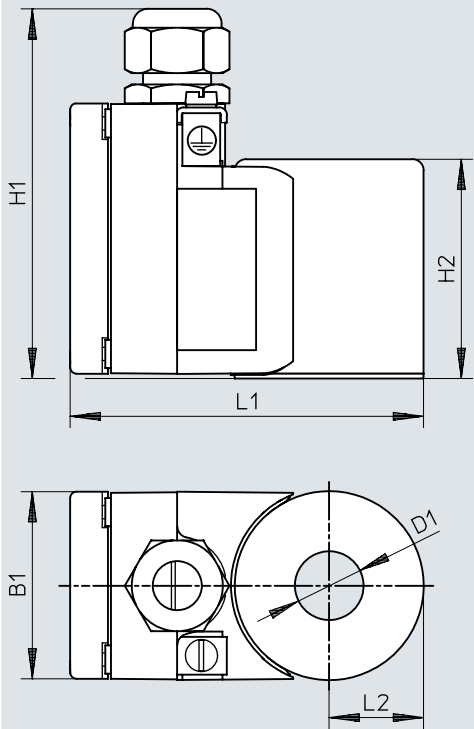


	D1 Ø	D2 Ø	H1	L1	L2
VACC-S18-120-A1-1	18,2	50	58	50	38
VACC-S18-120-A1-1A					
VACC-S18-120-A1-2A					
VACC-S18-120-A1-3A					

Kích thước

Kích thước – Cuộn dây từ S cho ống cốt thép 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W, có hộp đấu nối điện

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

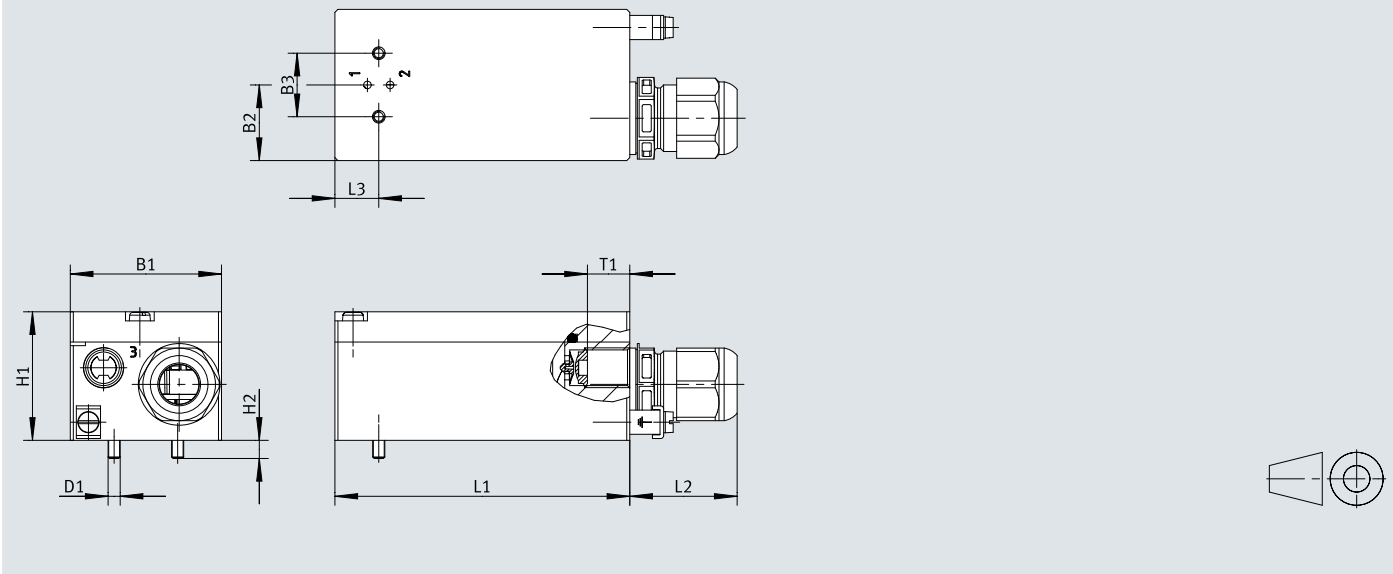


	B1	D1 Ø	H1	H2	L1	L2
VACC-S18-120-K4	50	18,2	100	58	95	25

Kích thước

Kích thước – Van khí với giao thức CNOMO, kích thước 30 mm theo tiêu chuẩn ISO 15218

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	B1	B2	B3	D1	H1	H2	L1	L2	L3	T1
VACC-P2	50	25	21	M4	42,5	6	97,5	35,5	14,5	14

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,1 W				
Giấy phép	Cổng nối điện	Giá trị đặc trưng cuộn dây	Số bộ phận	Loại
Không có	Hộp đầu cuối, đầu vào cấp M20x1,5	14 - 32 V DC: 0,22 - 1,1 W	8109401	VACC-S13-11-K4-1-EX4A
KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)			8114136	VACC-S13-11-K4-1-KS4A
CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)			8114135	VACC-S13-11-K4-1-NE4A
INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)			8114078	VACC-S13-11-K4-1-NM4A

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 13 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W				
Giấy phép	Cổng nối điện	Giá trị đặc trưng cuộn dây	Số bộ phận	Loại
Không có	Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803	110 V DC: 1,8 W, 110 V AC: 50/60 Hz, công suất 1,8 VA	562891	VACC-S13-18-A1-2U
		230 V DC: 1,8 W, 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 1,8 VA	562892	VACC-S13-18-A1-3U
		24 V DC: 2,1 W, 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,1 VA	562890	VACC-S13-18-A1-1U
		24 V DC: 2,1 W	562889	VACC-S13-18-A1-1
	Hộp đầu cuối, đầu vào cấp M20x1,5	110 V DC: 1,8 W, 110 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	8109397	VACC-S13-18-K4-2U-EX4ME
		230 V DC: 1,8 W, 230 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	8109398	VACC-S13-18-K4-3U-EX4ME
		24 V DC: 1,8 W, 24 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	8109396	VACC-S13-18-K4-1U-EX4ME
			8109399	VACC-S13-18-K4-1UF-EX4ME
		60 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA, 60 V DC: 1,8 W	8109400	VACC-S13-18-K4-27U-EX4ME
KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)	110 V DC: 1,8 W, 110 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	8156760	VACC-S13-18-K4-2U-KS4ME	
	230 V DC: 1,8 W, 230 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	8156761	VACC-S13-18-K4-3U-KS4ME	
	24 V DC: 1,8 W, 24 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	8156762	VACC-S13-18-K4-1UF-KS4ME	
		8156759	VACC-S13-18-K4-1U-KS4ME	
	60 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA, 60 V DC: 1,8 W	8156763	VACC-S13-18-K4-27U-KS4ME	
CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)	110 V DC: 1,8 W, 110 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	8118330	VACC-S13-18-K4-2U-NE4ME	
	230 V DC: 1,8 W, 230 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	8118331	VACC-S13-18-K4-3U-NE4ME	
	24 V DC: 1,8 W, 24 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	8118332	VACC-S13-18-K4-1UF-NE4ME	
		8118329	VACC-S13-18-K4-1U-NE4ME	
	60 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA, 60 V DC: 1,8 W	8118333	VACC-S13-18-K4-27U-NE4ME	
INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)	110 V DC: 1,8 W, 110 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	8118325	VACC-S13-18-K4-2U-NM4ME	
	230 V DC: 1,8 W, 230 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	8118326	VACC-S13-18-K4-3U-NM4ME	
	24 V DC: 1,8 W, 24 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA	8118324	VACC-S13-18-K4-1U-NM4ME	
		8118327	VACC-S13-18-K4-1UF-NM4ME	
	60 V AC: 40/65 Hz, công suất 1,8 VA, 60 V DC: 1,8 W	8118328	VACC-S13-18-K4-27U-NM4ME	

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 1,8 W				
Giấy phép	Cổng nối điện	Giá trị đặc trưng cuộn dây	Số bộ phận	Loại
Không có	Hộp đấu cuối, đầu vào cáp M20x1,5	230 V AC: 50/60 Hz, công suất 1,8 VA	3504741	VACC-S18-18-K4-3A-EX4D
	Hộp đấu cuối, đầu vào cáp NPT1/2		3546734	VACC-S18-18-K5-3A-EX4D

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 2,5 W				
Giấy phép	Cổng nối điện	Giá trị đặc trưng cuộn dây	Số bộ phận	Loại
Không có	Hộp đấu cuối, đầu vào cáp M20x1,5	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,5 VA, 110 V DC: 2,5 W	562904	VACC-S18-25-K4-2U-EX4D
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,5 VA, 230 V DC: 2,5 W	562905	VACC-S18-25-K4-3U-EX4D
		24 V DC: 2,5 W, 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,5 VA	562903	VACC-S18-25-K4-1U-EX4D
	Hộp đấu cuối, đầu vào cáp NPT1/2	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,5 VA, 110 V DC: 2,5 W	562901	VACC-S18-25-K5-2U-EX4D
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,5 VA, 230 V DC: 2,5 W	562902	VACC-S18-25-K5-3U-EX4D
		24 V DC: 2,5 W, 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,5 VA	562900	VACC-S18-25-K5-1U-EX4D

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 3,5 W				
Giấy phép	Cổng nối điện	Giá trị đặc trưng cuộn dây	Số bộ phận	Loại
Không có	Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA	562908	VACC-S18-35-A1-2A
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA	562909	VACC-S18-35-A1-3A
		24 V DC: 3,5 W	562906	VACC-S18-35-A1-1
		24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA	562907	VACC-S18-35-A1-1A
	Hộp đấu cuối, đầu vào cáp M20x1,5	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 110 V DC: 3,5 W	8109387	VACC-S18-35-K4-2U-EX4ME
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 230 V DC: 3,5 W	8109386	VACC-S18-35-K4-3U-EX4ME
		24 V DC: 3,5 W, 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA	8109388	VACC-S18-35-K4-1UF-EX4ME
			8109389	VACC-S18-35-K4-1U-EX4ME
		110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 110 V DC: 3,5 W	8118315	VACC-S18-35-K4-2U-KS4ME
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 230 V DC: 3,5 W	8118314	VACC-S18-35-K4-3U-KS4ME
KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)		24 V DC: 3,5 W, 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA	8118316	VACC-S18-35-K4-1UF-KS4ME
			8118317	VACC-S18-35-K4-1U-KS4ME
CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)		110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 110 V DC: 3,5 W	8118255	VACC-S18-35-K4-2U-NE4ME
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 230 V DC: 3,5 W	8118254	VACC-S18-35-K4-3U-NE4ME
		24 V DC: 3,5 W, 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA	8118256	VACC-S18-35-K4-1UF-NE4ME
			8118257	VACC-S18-35-K4-1U-NE4ME
INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)		110 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 110 V DC: 3,5 W	8118174	VACC-S18-35-K4-2U-NM4ME
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA, 230 V DC: 3,5 W	8118180	VACC-S18-35-K4-3U-NM4ME
		24 V DC: 3,5 W, 24 V AC: 50/60 Hz, công suất 3,5 VA	8118182	VACC-S18-35-K4-1U-NM4ME
			8118179	VACC-S18-35-K4-1UF-NM4ME

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 7 W				
Giấy phép	Cổng nối điện	Giá trị đặc trưng cuộn dây	Số bộ phận	Loại
Không có	Hộp đầu cuối, đầu vào cáp M20x1,5	120 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA, 120 V DC: 7,0 W	3504609	VACC-S18-70-K4-16U-EX4D
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA, 230 V DC: 7,0 W	3504639	VACC-S18-70-K4-3U-EX4D
		24 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA, 24 V DC: 7,0 W	3504563	VACC-S18-70-K4-1U-EX4D
		48 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA, 48 V DC: 7,0 W	3504574	VACC-S18-70-K4-7U-EX4D
	Hộp đầu cuối, đầu vào cáp NPT1/2	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA, 110 V DC: 7,0 W	3546625	VACC-S18-70-K5-2U-EX4D
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA, 230 V DC: 7,0 W	3546662	VACC-S18-70-K5-3U-EX4D
		24 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA, 24 V DC: 7,0 W	3546549	VACC-S18-70-K5-1U-EX4D
		48 V AC: 50/60 Hz, công suất 7,0 VA, 48 V DC: 7,0 W	3546588	VACC-S18-70-K5-7U-EX4D
		125 V DC: 7,0 W	3546913	VACC-S18-70-K5-16-U2D
		220 V DC: 7,0 W	3546949	VACC-S18-70-K5-3-U2D
		24 V DC: 7,0 W	3546816	VACC-S18-70-K5-1-U2D
		48 V DC: 7,0 W	3546876	VACC-S18-70-K5-7-U2D
cULus, môi trường độc hại, Hoa Kỳ và Canada (NEC 500, Class 1 Div 2)				

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ S cho ống phản ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W				
Giấy phép	Cổng nối điện	Giá trị đặc trưng cuộn dây	Số bộ phận	Loại
Không có	Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA	8040582	VACC-S18-120-A1-2A
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA	8040584	VACC-S18-120-A1-3A
		24 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA	8040890	VACC-S18-120-A1-1A
		24 V DC: 12,0 W	8040580	VACC-S18-120-A1-1
	Hộp đầu cuối, đầu vào cáp M20x1,5	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 110 V DC: 12,0 W	8109392	VACC-S18-120-K4-2U-EX4ME
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 230 V DC: 12,0 W	8109391	VACC-S18-120-K4-3U-EX4ME
		24 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 24 V DC: 12,0 W	8109395	VACC-S18-120-K4-1U-EX4ME
			8109394	VACC-S18-120-K4-1UF-EX4ME
		48 V DC: 12,0 W	8109390	VACC-S18-120-K4-7-EX4ME
		60 V DC: 12,0 W	8109393	VACC-S18-120-K4-27-EX4ME
KOSHA (Giấy phép Ex Hàn Quốc, EPL Gb và Db)		110 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 110 V DC: 12,0 W	8118320	VACC-S18-120-K4-2U-KS4ME
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 230 V DC: 12,0 W	8118319	VACC-S18-120-K4-3U-KS4ME
		24 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 24 V DC: 12,0 W	8118323	VACC-S18-120-K4-1U-KS4ME
			8118322	VACC-S18-120-K4-1UF-KS4ME
		48 V DC: 12,0 W	8118318	VACC-S18-120-K4-7-KS4ME
		60 V DC: 12,0 W	8118321	VACC-S18-120-K4-27-KS4ME
CCC-Ex (Giấy phép Ex Trung Quốc, EPL Gb và Db)		110 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 110 V DC: 12,0 W	8118260	VACC-S18-120-K4-2U-NE4ME
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 230 V DC: 12,0 W	8118259	VACC-S18-120-K4-3U-NE4ME
		24 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 24 V DC: 12,0 W	8118262	VACC-S18-120-K4-1UF-NE4ME
			8118263	VACC-S18-120-K4-1U-NE4ME
		48 V DC: 12,0 W	8118258	VACC-S18-120-K4-7-NE4ME
		60 V DC: 12,0 W	8118261	VACC-S18-120-K4-27-NE4ME
INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)		110 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 110 V DC: 12,0 W	8118178	VACC-S18-120-K4-2U-NM4ME
		230 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 230 V DC: 12,0 W	8118173	VACC-S18-120-K4-3U-NM4ME
		24 V AC: 50/60 Hz, công suất 12,0 VA, 24 V DC: 12,0 W	8118181	VACC-S18-120-K4-1U-NM4ME
			8118177	VACC-S18-120-K4-1UF-NM4ME
		48 V DC: 12,0 W	8118175	VACC-S18-120-K4-7-NM4ME

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ S cho ống phần ứng 18 mm, công suất tiêu thụ 12 W				
Giấy phép	Cổng nối điện	Giá trị đặc trưng cuộn dây	Số bộ phận	Loại
INMETRO (Giấy phép Ex Brazil, EPL Gb và Db)	Hộp đầu cuối, đầu vào cáp M20x1,5	60 V DC: 12,0 W	8118176	VACC-S18-120-K4-27-NM4ME

Thông tin đặt hàng – Van khí với giao thức CNOMO, kích thước 30 mm theo tiêu chuẩn ISO 15218				
Cổng nối điện	Áp suất vận hành	Điện áp hoạt động danh định DC	Số bộ phận	Loại
Đầu kẹp lò xo, Hộp đầu cuối, đầu vào cáp M20x1,5	0,2 ... 0.6 MPA	12 V	8204401	VACC-P2-0.12-K4-5-EX4A
	0,2 ... 0.8 MPA	24 V	8204400	VACC-P2-0.4-K4-1-EX4A